sǐ sǐ de

死死的

adverb · tightly; firmly; stubbornly

Example Sentences

tā sǐ sǐ de zhuā zhù shéng zi bù fàng
他死死的抓住绳子不放。

He held onto the rope tightly and wouldn't let go.

tā sǐ sǐ de dīng zhe nà gè mò shēng rén
她死死的盯着那个陌生人。

She stared firmly at that stranger.

Trace each character, then write the word on your own.

死 死 死 死 死 死 死 死 死

死 死 死 死 死 死 死 死 死

的 的 的 的 的 的 的 的 的 的 的